

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2025/QĐST - HNGĐ

Quảng Trị, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Đức Minh.

Thư ký phiên họp: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên họp:
Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc: “Xác định cha cho con”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh [Lê Văn N](#), sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: [Thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị](#), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh [Hò Xuân H](#), sinh năm: 1983; địa chỉ nơi cư trú: [Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị](#), vắng mặt.

- Chị [Hò Thị T](#), sinh năm 1989, địa chỉ nơi cư trú: [Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị](#), vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- Cháu [Lê Văn Tuấn N1](#) (tên dự kiến), sinh ngày 18/4/2023. Người đại diện hợp pháp của cháu [N1](#): Chị [Hò Thị T](#) (mẹ đẻ); đều có địa chỉ nơi cư trú: [Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị](#), vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu ngày 10 tháng 10 năm 2025 và bản tự khai ngày 15 tháng 10 năm 2025, anh [Lê Văn N](#), trình bày:

Anh [Lê Văn N](#) và chị [Hò Thị T](#), địa chỉ nơi cư trú: [Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị](#), có quan hệ tình cảm với nhau. Sau đó, chị [T](#) mang thai và ngày 18/4/2023 sinh cháu [Lê Văn Tuấn N1](#) (tên dự kiến), theo giấy chứng sinh số: 2239.2023, quyền số: 2023, nơi cấp: [Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Quảng Trị](#). Thời điểm đó, chị [T](#) đang có quan hệ hôn nhân với ông [Hò Xuân H](#), sinh năm: 1983; địa chỉ nơi cư trú: [Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị](#),

nhưng không sống chung với nhau từ năm 2022 (ly thân). Hiện nay, chị T đã ly hôn với ông H và đã đăng ký kết hôn với anh N vào ngày 23/7/2025 tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Quảng Trị nhưng do mang thai cháu N1 trong thời kỳ hôn nhân với ông Hồ Xuân H nên anh N và chị T chưa thể làm giấy khai sinh cho cháu N1.

Ngày 06/8/2025, anh Lê Văn N và cháu Lê Văn Tuấn N1 (tên dự kiến) đã đi xét nghiệm AND tại Công ty TNHH Đ, kết quả: Anh Lê Văn N có cùng quan hệ huyết thống bố - Con với người có tên dự kiến Lê Văn Tuấn N1, độ tin cậy > 99,9999%.

Vì vậy, để có căn cứ làm giấy khai sinh, đảm bảo các quyền lợi trẻ em của cháu N1 và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của anh N. Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định anh Lê Văn N, sinh năm 1986 là cha đẻ của cháu Lê Văn Tuấn N1 (tên dự kiến), sinh ngày 18/4/2023.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 14 tháng 10 năm 2025, chị Hồ Thị T, trình bày:

Năm 2014, chị Hồ Thị T và anh Hồ Xuân H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì từ năm 2021 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã không còn sống chung với nhau (ly thân). Năm 2022, chị T có phát sinh tình cảm với anh Lê Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị và đã sinh cháu Lê Văn Tuấn N1 (tên dự kiến) vào ngày 18/4/2023, theo giấy chứng sinh số: 2239.2023, quyền số: 2023, nơi cấp: Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Quảng Trị là con chung giữa chị T và anh Lê Văn N nhưng anh Hồ Xuân H không biết. Hiện nay, chị T đã ly hôn với anh Hồ Xuân H và đã đăng ký kết hôn với anh Lê Văn N vào ngày 23/7/2025.

Nay, anh Lê Văn N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định anh Lê Văn N, sinh năm: 1986 là cha đẻ của cháu Lê Văn Tuấn N1 (tên dự kiến), sinh ngày 18/4/2023 là đảm bảo quyền lợi của cháu Lê Văn Tuấn N1 (tên dự kiến) và quyền, nghĩa vụ của anh Lê Văn N nên chị T hoàn toàn đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

Tại đơn trình bày ngày 15 tháng 10 năm 2025, anh Hồ Xuân H trình bày:

Anh H và chị Hồ Thị T đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 49/2025/QĐST - HNGĐ, ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị. Trong thời kỳ hôn nhân, anh H và chị T chỉ có một đứa con chung duy nhất là cháu Hồ Kiều Bảo C, sinh ngày 12/05/2014, ngoài ra không có thêm đứa con. Anh H không hề biết và chưa bao giờ gặp cháu Lê Văn T1 N1 và đề nghị Tòa án giao trả đứa bé cho chính bố mẹ của cháu.

Tại phiên họp:

Anh Lê Văn N giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày nêu trên.

Chị Hồ Thị T có đơn xin vắng mặt.

Anh Hồ Xuân H vắng mặt.

Kết quả xét nghiệm AND ngày 06/8/2025, tại: Công ty TNHH Đ, tiến hành phân tích các mẫu AND của hai người sau: “Lê Văn N, sinh ngày 19/5/1986, giới tính: N4; CCCD số: 045086002922 (ký hiệu: B25658. CG) và người có tên dự kiến: Lê Văn Tuấn N1, giới tính: Nam, sinh ngày 18/4/2023, Giấy chứng sinh số: 2239.2023, quyền số: 2023, ngày cấp: 18/4/2023, nơi cấp: Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Quảng Trị (ký hiệu: C25658. CG). Phân tích AND trong nhân tế bào các mẫu trên theo bộ K (Hãng T - Mỹ)... Kết

luận: [Lê Văn N](#) có cùng quan hệ huyết thống bố - Con với người có tên dự kiến [Lê Văn Tuấn N1](#), độ tin cậy > 99,9999%".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị, phát biểu quan điểm:
Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự: Không vi phạm;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự của anh [Lê Văn N](#), chị [Hò Thị T](#) và anh [Hò Xuân H](#): Không vi phạm;

Về việc giải quyết việc dân sự: Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 91, Điều 101 và Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của anh [Lê Văn N](#): Xác định anh [Lê Văn N](#) là cha đẻ của cháu trai do chị [Hò Thị T](#), sinh ra ngày 18/4/2023, tại [Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Quảng Trị](#), dự kiến đặt tên là [Lê Văn Tuấn N1](#) (theo giấy chứng sinh số: 2239.2023, quyền số 2023, nơi sinh: [Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Quảng Trị](#)).

Về Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Anh [Lê Văn N](#) được miễn nộp tiền lệ phí việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, [Tòa án nhân dân Khu vực 8](#), tỉnh Quảng Trị, nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh [Lê Văn N](#), hiện đang cư trú tại: [Thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị](#), anh [N](#) yêu cầu Tòa án giải quyết việc xác định cha cho con. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết yêu cầu của anh [N](#) là đúng thẩm quyền về lãnh thổ và loại việc theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã triệu tập họp lệ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Anh [Hò Xuân H](#), chị [Hò Thị T](#) đến tham gia phiên họp lần thứ 2 nhưng anh [H](#) vắng mặt không lý do, chị [T](#) có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, anh [H](#), chị [T](#) đã có văn bản trình bày ý kiến và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự nên căn cứ vào khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh [Hò Xuân H](#), chị [Hò Thị T](#).

[2]. Về nội dung:

Theo trình bày của anh [Lê Văn N](#) và chị [Hò Thị T](#) có quan hệ tình cảm với nhau. Sau đó, chị [T](#) mang thai và ngày 18/4/2023 sinh cháu [Lê Văn Tuấn N1](#) (tên dự kiến), theo giấy chứng sinh số: 2239.2023, quyền số: 2023, nơi cấp: [Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Quảng Trị](#). Thời điểm đó, chị [T](#) đang có quan hệ hôn nhân với anh [Hò Xuân H](#), sinh năm: 1983; địa chỉ nơi cư trú: [Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị](#), nhưng không sống chung với nhau từ năm 2022 (ly thân). Hiện nay, chị [T](#) đã ly hôn với anh [H](#) và đã đăng ký kết hôn với anh [N](#) vào ngày 23/7/2025 tại [Ủy ban nhân dân xã V](#), tỉnh Quảng Trị nhưng do mang thai cháu [N1](#) trong thời kỳ hôn nhân với anh [Hò Xuân H](#) nên anh [N](#) và chị [T](#) chưa thể làm

giấy khai sinh cho cháu N1 có cha là Lê Văn N và mẹ là chị Hồ Thị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng và làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu N1 thì cần phải xác định mối quan hệ C1 - Con giữa anh Lê Văn N và cháu Lê Văn Tuấn N1.

Trong quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp: Anh Lê Văn N và chị Hồ Thị T đều khẳng định giữa anh Lê Văn N và cháu Lê Văn T1 N1 có quan hệ huyết thống là C1 - con.

Tại đơn trình bày ngày 15 tháng 10 năm 2025 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Xuân H khẳng định: Anh H và chị Hồ Thị T đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 49/2025/QDST-HNGĐ, ngày 26/5/2025 của Toà án nhân dân huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị. Trong thời kỳ hôn nhân, anh H và chị T chỉ có một đứa con chung duy nhất là cháu Hồ Kiều Bảo C, sinh ngày 12/05/2014, ngoài ra không có thêm đứa con. Anh H không hề biết và chưa bao giờ gặp cháu Lê Văn T1 N1 và đề nghị Toà án giao trả đứa bé cho chính bố mẹ của cháu.

Mặt khác, xét kết quả xét nghiệm ADN ngày 06/8/2025, tại: Công ty TNHH Đ, tiến hành phân tích các mẫu AND của hai người sau: "Lê Văn N, sinh ngày 19/5/1986, giới tính N2N4; CCCD số: 045086002922 (ký hiệu: B25658. CG) và người có tên dự kiến: Lê Văn Tuấn N1, giới tính: Nam, sinh ngày 18/4/2023, Giấy chứng sinh số: 2239.2023, quyền số 2023, ngày cấp 18/4/2023, nơi cấp: Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Quảng Trị (ký hiệu: C25658 CG). Phân tích AND trong nhân tế bào các mẫu trên theo bộ K (Hàng T - Mỹ)... Kết luận: Lê Văn N có cùng quan hệ huyết thống bố - Con với người có tên dự kiến Lê Văn Tuấn N1, độ tin cậy > 99,9999%"

Do vậy, căn cứ vào lời trình bày của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kết quả xét nghiệm nêu trên, có đủ cơ sở để Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn N3, về việc xác định anh Lê Văn N, sinh năm 1986 là cha đẻ của cháu Lê Văn Tuấn N1 (tên dự kiến), sinh ngày 18/4/2023, theo quy định tại các Điều 88, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp về tổ tụng và quan điểm về giải quyết việc dân sự là có cơ sở, có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Do anh Lê Văn N yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên nên được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn N, về việc: "Xác định cha cho con", tuyên bố:

Anh Lê Văn N là cha đẻ của cháu trai do chị Hồ Thị T sinh ngày 18/4/2023, tại: Trung tâm y tế huyện H, Sở Y tế tỉnh Q, dự kiến đặt tên là Lê Văn Tuấn N1 (theo giấy chứng sinh số: 2239.2023, quyền số: 2023, nơi sinh: Trung tâm y tế huyện H);

Anh Lê Văn N, chị Hồ Thị T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục liên quan đến quyền nhân thân cho cháu Lê Văn Tuấn N1 (tên dự kiến) theo quy định pháp luật.

[2]. Lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn N được miễn.

[3]. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Anh Hồ Xuân H, chị Hồ Thị T vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND Khu vực 8;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Lê Đức Minh

